

PHỤ LỤC : PHÂN CÔNG THEO DỐI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Mục tiêu đến 2025	Mục tiêu đến 2030	Chủ trì theo dõi, đơn đốc	Kết quả thực hiện đến 20/12/2023	Đơn vị Thực hiện
I	Chính quyền số					
1	Cung cấp DVC trực tuyến mức 3, 4	100% TTHC có đủ điều kiện	100% DVCTT mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau	Sở Thông tin và Truyền thông	100% TTHC có đủ điều kiện	VPUBND tỉnh
2	DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ	70%	80%	Sở Thông tin và Truyền thông	100% TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	DVC trực tuyến có chức năng định danh, xác thực một lần và thanh toán số	100%	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	100%	VPUBND tỉnh và các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
4	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC	80%	90%	VPUBND tỉnh	100%	Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Tỷ lệ CQNN tham gia cung cấp dữ liệu mở	80%	100%	VPUBND tỉnh	Đang thực hiện	Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Tỷ lệ văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới	100%	100%	VPUBND tỉnh		Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Mục tiêu đến 2025	Mục tiêu đến 2030	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Kết quả thực hiện đến 20/12/2023	Đơn vị Thực hiện
	dạng văn bản điện tử (trừ văn bản mật)				100%	xã, thành phố
7	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	Cấp tỉnh: 90% Cấp huyện: 80% Cấp xã: 60%	Cấp tỉnh: 100% Cấp huyện: 90% Cấp xã: 70%	VPUBND tỉnh	50%	Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
8	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán qua Kho bạc nhà nước được nộp trực tuyến	90%	100%	Kho bạc nhà nước chi nhánh Hưng Yên		Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
9	Tỷ lệ cơ quan hành chính sử dụng hệ thống thông tin báo cáo	100%	100%	VPUBND tỉnh	100%	Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
10	Số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực	100%	100%	VPUBND tỉnh	100%	Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
11	Tỷ lệ họp trực tuyến của các cuộc họp có 2 cấp tham gia trở lên	80%	90%	VPUBND tỉnh	100%	Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
12	Tỷ lệ chia sẻ CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành và kết nối với CSDL quốc	100%	100%	Sở Thông tin và Truyền thông		Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Mục tiêu đến 2025	Mục tiêu đến 2030	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Kết quả thực hiện đến 20/12/2023	Đơn vị Thực hiện
	gia					phố
13	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	50%	70%	VPUBND tỉnh		Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
14	Số lượng đô thị đạt các tiêu chí cơ bản về đô thị thông minh	2 (Thành phố Hưng Yên và Thị xã Mỹ Hào)		Sở Thông tin và Truyền thông		UBND thành phố Hưng Yên UBND Thị xã Mỹ Hào, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp
15	Tỷ lệ thiết bị quan trắc sử dụng công nghệ số, bảo đảm thu nhận trực tiếp dữ liệu số	80%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường		Sở Tài nguyên và Môi trường; Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
16	Tỷ lệ đường giao thông được lắp đặt hệ thống camera giám sát giao thông	Quốc lộ: 100% Tỉnh lộ: 50%	Quốc lộ: 100% Tỉnh lộ: 100%	Công an tỉnh		
17	Tỷ lệ CBCC được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số	50%	100%	Sở Thông tin và Truyền thông		Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Mục tiêu đến 2025	Mục tiêu đến 2030	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Kết quả thực hiện đến 20/12/2023	Đơn vị Thực hiện
18	Tỷ lệ CBCC được tập huấn nâng cao nhận thức về an toàn thông tin	100%	100%	Sở Thông tin và Truyền thông		Các Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
II	Kinh tế số					
1	Tỷ lệ dân số tham gia mua sắm trực tuyến	55%	75%	Sở Công thương		UBND các huyện, thị xã, thành phố
2	Thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử	50%	80%	Sở Công thương		Ngân hàng nhà nước; UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Tỷ lệ giao dịch mua hàng trên website/ứng dụng thương mại điện tử có hóa đơn điện tử	70%	95%	Sở Công thương		
4	Tỷ lệ xã và các đơn vị hành chính tương đương trên địa bàn tỉnh có thương nhân thực hiện hoạt động bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trực tuyến	50%	80%	Sở Công thương		
5	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử	50%	80%	Sở Công thương		

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Mục tiêu đến 2025	Mục tiêu đến 2030	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Kết quả thực hiện đến 20/12/2023	Đơn vị Thực hiện
6	Tỷ lệ đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền hình trả tiền triển khai thu cước, phí theo hình thức không dùng tiền mặt.	100%	100%	Ngân hàng nhà nước		Các doanh nghiệp dịch vụ và các ngân hàng
7	Tỷ lệ dịch vụ vận tải đường bộ triển khai hình thức thu phí không dùng tiền mặt.	50%	70%	Sở Giao thông vận tải		Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
8	Tỷ lệ đóng góp của kinh tế số vào GRDP của tỉnh	20%	30%	Sở Kế hoạch đầu tư		Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
9	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	Tối thiểu 10%	20%	Sở Kế hoạch đầu tư		Sở, Ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố
10	Tăng năng suất lao động hàng năm	7%	7,5%	Sở Kế hoạch đầu tư		
11	Số lượng doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh	500	1.000	Sở Kế hoạch đầu tư		
III	Xã hội số					
1	Độ bao phủ của hạ tầng mạng băng rộng cáp	100% xã phường, thị trấn	100%	Sở Thông tin và Truyền thông		UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Mục tiêu đến 2025	Mục tiêu đến 2030	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Kết quả thực hiện đến 20/12/2023	Đơn vị Thực hiện
2	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại thông minh	90%		UBND các huyện, thị xã, thành phố		
3	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử	>50%	80%	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Hưng Yên		
4	Tỷ lệ dân số có kỹ năng số cơ bản	70%	>80%	Sở Thông tin và Truyền thông		UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ Vpostcode	90%	100%	Bưu điện tỉnh		UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cố định	80%	>90%	Sở Thông tin và Truyền thông		UBND các huyện, thị xã, thành phố
7	Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu về dân cư với các hệ thống thông tin khác, đảm bảo an toàn thông tin đối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Theo lộ trình thực hiện của Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030" tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng		Công an tỉnh		Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	Nhóm/Tên chỉ tiêu	Mục tiêu đến 2025	Mục tiêu đến 2030	Chủ trì theo dõi, đôn đốc	Kết quả thực hiện đến 20/12/2023	Đơn vị Thực hiện
		Chính phủ				

PHỤ LỤC : DANH SÁCH NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
A	NHÓM NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ (CQS)						
I	CQS1	Phát triển cơ sở hạ tầng và nền tảng dữ liệu chung của tỉnh					
1	CQS1.1	Phát triển cơ sở hạ tầng cơ bản và hệ thống hiện có	- Nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh, triển khai trung tâm dự phòng, sao lưu dữ liệu của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND	2021-2025	Ngân sách địa phương
2			- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Hưng Yên các phiên bản phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của tỉnh				
3			- Nâng cấp, mở rộng Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên đến cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND cấp xã		
			- Hoàn thiện, nâng cấp Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh				
4	CQS1.2	Nâng cấp và hoàn thiện các nền tảng hiện có của tỉnh, đầu tư xây dựng các nền tảng mới	- Triển khai xây dựng và tích hợp Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Hưng Yên, Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên; nâng cấp nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh LGSP	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở ban ngành liên quan	2021 - 2030	Ngân sách địa phương
5			- Triển khai xây dựng nền tảng Dịch vụ số hóa dữ liệu;			2021-2025	
6			- Triển khai xây dựng nền tảng IoT; nền tảng Đô thị thông minh			2021 -	

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
						2025	
7			- Triển khai xây dựng nền tảng cá nhân hóa thông tin;			2025-2030	
8			- Triển khai xây dựng nền tảng trí tuệ nhân tạo				
9			- Triển khai xây dựng nền tảng chuỗi khối				
II	CQS2	Số hóa hệ thống dịch vụ công					
10	CQS2.1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh	- Nâng cấp hệ thống giao ban trực tuyến của Tỉnh, hệ thống tiếp nhận đơn, thư, xử lý, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; các kênh hỏi và đáp trên trang thông tin điện tử của tỉnh, cổng dịch vụ công trực tuyến, kênh Zalo chính quyền điện tử của Tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	Ngân sách địa phương
11			- Xây dựng cơ chế khuyến khích để người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến (bước đầu là xem xét giảm chi phí, và thời gian khi thực hiện các thủ tục trực tuyến)				
12			- Xây dựng hệ thống tự động báo cáo, phân tích kết quả giải quyết hồ sơ, dịch vụ công - Thực hiện kết nối tới trực kết nối LGSP của tỉnh và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư				
13	CQS2.2	Thí điểm triển khai triển khai các dịch vụ mới trên nền tảng và dữ liệu số	Thí điểm triển khai triển khai các dịch vụ mới trên nền tảng và dữ liệu số	Các sở ban ngành	Văn phòng UBND, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ	2026-2030	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
III	CQS3	Xây dựng nền tảng chung làm cơ sở dữ liệu phục vụ Chính quyền số					
14	CQS3.1	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý nội bộ CQNN	- Triển khai Hệ thống Quản lý thanh tra khiếu nại tố cáo;	Các Sở ngành, đơn vị liên quan		2022-2023	Ngân sách địa phương
15			- Triển khai Hệ thống thông tin Quản lý và cơ sở dữ liệu vi phạm hành chính				
16	CQS3.2	Xây dựng triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành	- Triển khai cơ sở dữ liệu Quản lý ngành lĩnh vực: Y tế, giáo dục, giao thông, tài nguyên... - Thực hiện kết nối tới trực kết nối LGSP của tỉnh và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo lộ trình	Các sở ngành, đơn vị liên quan	Công An tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2030	Ngân sách địa phương
IV	CQS4	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số vào hoạt động quản lý nhà nước					
17	CQS4.1	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý nội bộ CQNN	-Mở rộng, nâng cấp Hệ thống phần mềm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ trong các CQNN	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban ngành liên quan	2022-2030	Ngân sách địa phương
18			-Triển khai số hóa hồ sơ CBCNV	Sở Nội vụ	Sở, ban ngành liên quan	Hàng năm	

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
19			- Xây dựng các chính sách, chiến lược phát triển và sử dụng dữ liệu số; trong đó ưu tiên sử dụng dữ liệu số thay thế hồ sơ, giấy tờ cũ trong hoạt động dịch vụ và quản lý công và sử dụng dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành trong tỉnh	Các Sở ngành, đơn vị liên quan	Văn phòng UBND tỉnh đơn đốc thực hiện	2022-2030	
20	CQS4.2	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý tổng thể tỉnh	-Xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử doanh nghiệp tỉnh, tích hợp thông tin thuế, bảo hiểm xã hội phục vụ Lãnh đạo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban ngành liên quan	2022-2025	Ngân sách địa phương
21			- Duy trì hệ thống phòng họp không giấy tờ; các hệ thống thông tin báo cáo	Văn phòng UBND tỉnh		Hàng năm	
22	CQS4.3	Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong chỉ đạo, điều hành	Xây dựng Trung tâm Điều hành thông minh (IOC - Intelligent Operations Center) của tỉnh Hưng Yên	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban ngành liên quan	2022-2025	Ngân sách địa phương
			Xây dựng Trung tâm Điều hành thông minh (IOC - Intelligent Operations Center) Các huyện, thị xã, thành phố	UBND cấp huyện		2022-2025	
V	CQS5	Số hóa hệ thống điều hành VP tỉnh ủy khối Đảng					
23	CQS5.1	Xây dựng các nền tảng điều hành của khối Đảng	- Xây dựng nền tảng dùng chung cho hệ thống quản lý khối Đảng và tích hợp với các hệ thống thông tin dùng chung	Văn phòng Tỉnh ủy		2022-2023	Ngân sách địa phương
24			- Duy trì hệ thống thông tin điều hành của Tỉnh ủy				
25	CQS5.2	Số hóa và nâng cấp hệ thống hiện tại	-Số hóa toàn bộ tài liệu các cơ quan khối Đảng thuộc Tỉnh ủy và xây dựng hệ thống quản lý thông tin cơ sở dữ liệu khối Đảng.	Văn phòng Tỉnh ủy		2023-2025	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
26			-Nâng cấp, tích hợp hệ thống báo cáo phục vụ chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy				
VI	CQS6	Xây dựng và nâng cấp hệ thống CNTT ở các đơn vị CQNN					
27	CQS6.1	Thực hiện tuyên truyền về lợi ích của quá trình chuyển đổi số	- Tạo lập Chuyên mục chuyển đổi số trên đài phát thanh truyền hình tỉnh, cổng điện tử tỉnh và các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện	Các đơn vị liên quan	Sở, ban ngành liên quan	2022	Ngân sách địa phương
28			- Cập nhật cơ sở dữ liệu hàng năm			Hàng năm	
29	CQS6.2	Đầu tư xây dựng hạ tầng nền tảng cho chuyển đổi số	- Nâng cấp, trang bị và duy trì hệ thống máy tính, thiết bị công nghệ thông tin đầu cuối phục vụ ứng dụng CNTT và xây dựng chính quyền số trong nội bộ các cơ quan	Các cơ quan nhà nước	Các cơ quan nhà nước	Hàng năm	Ngân sách địa phương
30			- Duy trì phòng họp trực tuyến từ UBND cấp tỉnh tới UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh			
VII	CQS7	Nâng cấp hệ thống, cơ sở hạ tầng số quản lý tài nguyên môi trường, Kiểm soát ô nhiễm thông minh					
31	CQS7.1	Quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường	- Công khai minh bạch thông tin về tài nguyên và môi trường thuộc Sở quản lý theo quy định của Pháp Luật	Sở Tài nguyên và Môi trường		2025-2030	Ngân sách địa phương
32			- Xây dựng, cập nhật Hệ thống Kho tư liệu TNMT dạng số phục vụ quản lý, khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin dữ liệu TNMT của tỉnh				
33			- Thu thập, quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
34	CQS7.2	Nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý tài nguyên môi trường	- Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin tài nguyên môi trường của tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường		2025-2030	Ngân sách địa phương
35			- Nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin môi trường, nước, khoáng sản				
36			- Xây dựng mới Hệ thống thông tin đo đạc và bản đồ và tích hợp CSDL nền thông tin địa lý				
37			- Xây dựng, hoàn thiện, bổ sung cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bao gồm: nền địa lý, thanh tra, thư viện điện tử (bao gồm xây dựng phần mềm và chuyển đổi dữ liệu), cơ sở dữ liệu đã xây dựng về tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, môi trường, khoáng sản...				
VIII	CQS8	Xây dựng cơ chế và triển khai kế hoạch an toàn, an ninh mạng trong quản lý nhà nước					
38	CQS8.1	Xây dựng quy chế, chính sách an toàn an ninh mạng	- Tham mưu, và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật Quyết định của UBND tỉnh về cơ chế khai thác, sử dụng dữ liệu trên cơ sở dữ liệu của Tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, TP liên quan	2022	Ngân sách địa phương
39			- Ban hành danh mục các cơ sở dữ liệu do Tỉnh quản lý				
40			- Ban hành quyết định giao nhiệm vụ cho cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ phụ trách quản lý, kết nối, và chi sẻ dữ liệu của tỉnh				
41			- Xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước				
42			- Kiện toàn lực lượng thực hiện giám sát, bảo vệ cho các hệ thống thông tin của tỉnh				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
43	CQS8.2	Thực hiện đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng an toàn an ninh mạng	- Triển khai các lớp tập huấn liên quan đến an toàn, an ninh mạng: Cho các nhóm đối tượng, trước tiên tập trung vào người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, giám đốc điều hành các doanh nghiệp	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, TP liên quan	2022-2023	Ngân sách địa phương
44			- Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất				
45	CQS8.3	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nền tảng bảo đảm an toàn an ninh mạng	- Rà soát, bổ sung, mua sắm trang thiết bị máy tính, phần mềm chống virus an toàn, có tính năng bảo mật	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, TP liên quan	2022-2025	Ngân sách địa phương
46			- Xây dựng và nâng cấp hệ thống trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC).				
47			- Xây dựng và triển khai dự án công tác an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin của Sở theo NĐ85/2016/NĐ-CP và các quy định hiện hành				
IX	CQS9	Đổi mới và kiến tạo cơ cấu, quản trị phù hợp với quá trình chuyển đổi số					
48	CQS9.1	Kiện toàn ban chỉ đạo công tác chuyển đổi số	- KIỆN TOÀN BAN CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ XÁC ĐỊNH RÕ CÁC THÀNH VIÊN CÓ NHIỆM VỤ THAM GIA VÀ THỰC HIỆN CÁC HÀNH ĐỘNG ĐẶT RA	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban ngành liên quan	Hàng năm	Ngân sách địa phương
49	CQS9.2	Bổ sung, thay đổi cơ chế chính sách phù hợp với môi trường số	Rà soát sửa đổi hoặc đề xuất Trung ương sửa đổi cơ chế để áp dụng công nghệ số, dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế- xã hội; cấu trúc lại quy trình hoạt động và cung cấp dịch vụ công	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện,	Các đơn vị liên quan	2021-2025	

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
				phường, xã, thị trấn			
50			Rà soát ban hành quy trình, thủ tục thống nhất, đồng bộ về tiếp nhận, xử lý ban hành văn bản trong toàn hệ thống trong cơ quan Đảng. Ban hành các thủ tục hành chính Đảng, bao gồm cả liên thông nhằm nâng cao hiệu quả xử lý và giúp các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tra cứu, thực hiện đảm bảo về mặt thủ tục.	Văn phòng Tỉnh ủy	Các đơn vị liên quan	2022-2025	
51			Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền số phù hợp với định hướng Chiến lược quốc gia	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, phường, xã, thị trấn	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
52			Rà soát các thủ tục hành chính công, thủ tục hành chính ngoài một cửa, thủ tục sự nghiệp công, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước theo hướng đơn giản hoá hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số. Rà soát loại bỏ một số thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số.	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, phường, xã, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh	Hàng năm	

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
53			Xây dựng các chính sách, chiến lược phát triển và sử dụng dữ liệu số; trong đó ưu tiên sử dụng dữ liệu số thay thế thành phần hồ sơ, giấy tờ phải nộp trong cung cấp dịch vụ công và sử dụng dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành để phát triển kinh tế- xã hội. Xây dựng, ban hành Quy chế kết nối, quản lý và chia sẻ dữ liệu số trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, phường, xã, thị trấn	2022-2025	
54			Xây dựng các chính sách, quy định cụ thể về thuế, phí (như phí sử dụng dịch vụ khi thanh toán trực tuyến phí, lệ phí thủ tục hành chính, phí đỗ xe ô tô lòng đường, hè phố,...) để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.	Sở Tài chính	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, phường, xã, thị trấn	2022-2025	
X	CQS10	Triển khai thí điểm ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số					
55	CQS10.1	Triển khai và đánh giá thí điểm chuyển đổi số quy mô nhỏ	- Triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số làm cơ sở, tiền đề nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh - Xác định bài học kinh nghiệm lấy làm cơ sở tiền đề nhân rộng mô hình triển khai trên các khu vực khác và ở quy mô lớn hơn	UBND thành phố Hưng Yên và UBND thị xã Mỹ Hào	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2023	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
56	CQS10.2	Thí điểm quy mô lớn	- Lựa chọn một huyện/thành phố để triển khai thí điểm các ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số, từ đó phát triển nhân rộng trong địa bàn tỉnh Hưng Yên	UBND huyện/ thành phố được chọn		2023-2030	Ngân sách địa phương
B NHÓM NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ							
I	KTS1	Xây dựng và đẩy mạnh môi trường Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh					
57	KTS1.1	Tuyên truyền và phổ cập ứng dụng Thương mại điện tử	- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và kỹ năng về Thương mại điện tử	Sở Công thương	UBND các huyện và các doanh nghiệp, HTX đóng trên địa bàn tỉnh	2023-2025	Ngân sách địa phương
58			- Phát triển cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX ứng dụng các giải pháp Thương mại điện tử và tham gia hội nhập phát triển trong các sàn giao dịch Thương mại điện tử trong và ngoài nước, và của tỉnh Hưng Yên				
59	KTS1.2	Xây dựng hệ thống hạ tầng và nền tảng Thương mại điện tử	- Xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử	Sở Công thương	UBND các huyện và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh	2025-2030	Ngân sách địa phương
60			- Tập huấn nâng cao năng lực Quản lý nhà nước, thực thi pháp luật về Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh và tổ chức các khóa tập huấn cho doanh nghiệp về Thương mại điện tử				
61			- Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
II	KTS2	Xây dựng phổ cập thanh toán điện tử					
62	KTS2.1	Xây dựng kế hoạch thúc đẩy thanh toán điện tử	- Tổ chức hội thảo, tham mưu về xây dựng triển khai thanh toán điện tử với các đơn vị liên quan cả khu vực công và tư	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn	2024	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
63	KTS2.2	Hoạt động triển khai đẩy mạnh thanh toán điện tử	- Thúc đẩy phát triển không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh thông qua tuyên truyền, xây dựng tài liệu thông tin cho công đồng	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn UBND các cấp	2023-2025	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
64			- Xây dựng các chương trình khuyến khích ứng dụng trong xã hội, ưu đãi ngắn-trung hạn cho các doanh nghiệp đẩy mạnh thanh toán điện tử trên địa bàn tỉnh				
65			- Đưa dịch vụ tài chính- ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ như thanh toán di động.				
66			- Các ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới, sáng tạo, tự động hóa quy trình				
67			- Thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính (fintech) và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái hệ thống dịch vụ tài chính ngân hàng thúc đẩy phổ cập tài chính Quốc gia				
III	KTS3	Phát triển, phổ cập CNTT, số hóa cho doanh nghiệp					

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
68	KTS3.1	Hỗ trợ về kiến thức và quy trình	- Nâng cao năng lực cho Doanh nghiệp khởi nghiệp: Tư vấn xây dựng chiến lược truyền thông số cho doanh nghiệp khởi nghiệp. (Tư vấn lộ trình, hướng dẫn SME hoạt động trực tuyến và tiêu chuẩn hóa sản phẩm).	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì theo dõi đôn đốc việc thực hiện	2025-2030	Nguồn vốn đầu tư của Doanh nghiệp
69			- Số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu mở rộng cho cộng đồng thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên. (Vấn đề về vốn, hạ tầng, pháp lý, giáo dục, nguồn nhân lực; tương tác của người dân, doanh nghiệp hiện hữu về những khó khăn, vấn đề gặp phải và cần giải quyết trong cuộc sống, những đặt hàng giải quyết vấn đề).				
70	KTS3.2	Xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy cho doanh nghiệp	- Xây dựng cơ chế, chính sách để thúc đẩy hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp trên nền tảng số từ vốn nhà nước cũng như vốn tư nhân qua việc số hóa và đơn giản hóa quy trình gọi vốn và quy trình đầu tư trong tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì theo dõi đôn đốc việc thực hiện	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện	2025-2030	
IV	KTS4	Thúc đẩy sử dụng giải pháp số cho các doanh nghiệp trong tỉnh, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)					
71	KTS4.1	Cung cấp, hỗ trợ giải pháp số cho doanh nghiệp	- Cung cấp, hỗ trợ các giải pháp truyền thông, quảng bá và PR cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Các sở ban ngành thực hiện hỗ trợ theo chức		Hàng năm	Ngân sách địa phương
72			- Triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
73			- Nghiên cứu, xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ số theo mô hình tiên tiến của thế giới	năng nhiệm vụ			
74			- Đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung nghiên cứu, phát triển công nghệ nền tảng và công nghệ ứng dụng				
75	KTS4.2	Khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp kiến tạo và sử dụng giải pháp số	- Tham mưu, thực hiện các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh phát triển các ứng dụng, giải pháp CNTT	Các sở ban ngành thực hiện hỗ trợ theo chức năng nhiệm vụ		Hàng năm	
76			- Tuyên truyền đẩy mạnh phong trào sáng tạo, phát triển giải pháp số trong cộng đồng doanh nghiệp qua các thông tin, quảng bá về các sản phẩm thành công				
77			- Tham mưu, thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc chuyển đổi số, ví dụ ưu đãi thuế đưa sản phẩm lên nền tảng TMDT của tỉnh, cơ chế hướng dẫn, đồng hành cùng doanh nghiệp trong chuyển đổi v.v				
V	KTS5	Chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính viễn thông					
78	KTS5.1	Xây dựng chính sách, cơ chế hỗ trợ phát triển viễn thông	- Đề xuất các chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng mạng 5G, ưu tiên các khu công nghiệp,	Sở Thông tin và Truyền thông		2025-2030	
79			- Đề xuất chính sách ưu đãi thuế và hỗ trợ đầu tư phát triển mạng 5G tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh như khu vực trung tâm, khu vực thương mại dịch vụ, khu vực công nghiệp, khu dân cư				
80			- Cung cấp, hỗ trợ vay vốn ưu đãi miễn lãi, lãi suất thấp hoặc thời gian ưu đãi dài hơn để đẩy mạnh phát triển mạng và dịch vụ viễn thông				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
81	KTS5.2	Ứng dụng cơ chế hỗ trợ tối ưu hóa cơ sở hạ tầng viễn thông	- Chính sách chia sẻ hạ tầng mạng viễn thông, bao gồm các chính sách khuyến khích các công ty viễn thông sử dụng chung hạ tầng, hạn chế xây mới các nhà trạm	Sở Thông tin và Truyền thông		2025-2030	
82			- Sử dụng quỹ viễn thông công ích nhằm phát triển hệ thống băng thông rộng trong tỉnh				
83	KTS5.3	Triển khai ứng dụng mã bưu chính Vpostcode trên địa bàn tỉnh	- Xây dựng định hướng triển khai thí điểm và sử dụng mã bưu chính Vpostcode trên toàn tỉnh với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Bưu điện tỉnh		2025-2030	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
84			- Định hướng kế hoạch ứng dụng nền tảng Vpostcode hoàn chỉnh vào các giải pháp, công nghệ số như Thương mại điện tử, logistics v.v.				
VI	KTS6	Đẩy mạnh phát triển sử dụng công cụ tài chính số					
85	KTS6.1	Đẩy mạnh ứng dụng online banking	- Tuyên truyền và gia tăng hiểu biết của người dân về kiến thức và tiện ích của ngân hàng online bao gồm các dịch vụ như tiết kiệm, bảo hiểm, tín dụng để tăng tài chính toàn diện cho người dân	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh		2025-2030	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
86			- Phổ cập ứng dụng ngân hàng online qua hợp tác, khuyến khích doanh nghiệp cũng như tiểu hương sử dụng các dịch vụ trực tuyến như trả lương qua ngân hàng, chi tiêu online, mua sắm online				
87	KTS6.2	Thí điểm, triển khai sử dụng mobile money	- Phối hợp với cơ quan cấp bộ và cấp nhà nước, đồng hành với các doanh nghiệp tiên phong trong thí điểm mobile money trên địa bàn tỉnh	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh		2025-2030	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
VII	KTS7	Khuyến khích đổi mới mô hình kinh doanh trong nền					

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
		kinh tế					
88	KTS7.1	Tuyên truyền và cập nhật xu hướng mô hình kinh doanh số mới	- Giới thiệu và tuyên truyền cho doanh nghiệp và cộng đồng về các mô hình kinh doanh và xu hướng phát triển mới cho chuyển đổi số như nền tảng giao hàng logistics, nền tảng đặt hàng trực tuyến, trung tâm hỗ trợ v.v.	Sở Công Thương		2025-2030	Ngân sách địa phương
89			- Tổ chức hội thảo hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm về các mô hình kinh doanh và xu hướng phát triển mới trong môi trường số				
90	KTS7.2	Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi mô hình kinh doanh	- Đưa ra các khuyến khích trong phạm vi tỉnh cho các doanh nghiệp để đổi mới mô hình kinh doanh bao gồm các ưu đãi ngắn hạn, trung hạn hoặc các yêu cầu về năng lực mới trong các gói thầu đưa ra	Sở Công Thương		2025-2030	
91			- Đề ra các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình kinh doanh				
VIII	KTS8	Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp					
92	KTS8.1	Số hóa dữ liệu ngành	- Xây dựng cơ sở dữ liệu nhãn hiệu sản phẩm nông nghiệp trên môi trường mạng, đảm bảo an ninh và an toàn dữ liệu.	Sở Nông nghiệp và PTNT		2024-2025	Ngân sách địa phương
93			- Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin nông nghiệp từ các nguồn dữ liệu: trồng trọt, chăn nuôi), kết hợp dữ liệu khí tượng - thủy văn, tình hình dịch bệnh và dữ liệu bản đồ nền				
94			- Sử dụng phần mềm trong công tác quảng bá, giới thiệu, quản lý, buôn bán sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Hưng Yên				
95	KTS8.2	Ứng dụng CNTT vào quản lý, phát triển	- Triển khai ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS hỗ trợ quản lý, giám sát và cảnh báo dịch bệnh	Sở Nông nghiệp và	UBND các	2024-2025	Ngân sách địa

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
96		ngành	- Đưa vào sử dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao quy trình theo hướng hữu cơ, GAP...thông qua các phần mềm hỗ trợ trồng trọt, nông lịch, hệ thống tưới tự động	PTNT	huyện		phương
97			- Tiếp tục quy hoạch, thu hút đầu tư xây dựng các vùng chuyên canh, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản theo phương thức nuôi thâm canh, bán thâm canh ứng dụng công nghệ cao.				
98			- Sử dụng phần mềm trong công tác quảng bá, giới thiệu, quản lý, buôn bán sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Hưng Yên.				
99			- Triển khai các ứng dụng, cảm biến cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai, nguồn nước để người dân chủ động các giải pháp nâng cao chất lượng sản xuất, nuôi trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.				
100			- Phát triển các nền tảng số, nền tảng thương mại điện tử, nền tảng truy xuất nguồn gốc... cho nông nghiệp, nông thôn và người nông dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình sản xuất kinh doanh, quản lý, giám sát chuỗi cung ứng sản phẩm.				
IX	KTS9	Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp					
101	KTS9.1	Truyền bá, phổ cập thông tin chuyển đổi số	- Phối hợp với các doanh nghiệp tư nhân tại khu công nghiệp để thông tin, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp	Sở Công thương	Doanh nghiệp đóng	2025-2030	Nguồn vốn đầu tư của

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
102			- Tổ chức các hội thảo với chuyên gia, doanh nghiệp trong nước và quốc tế để thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp		trên địa bàn tỉnh		Doanh nghiệp
103	KTS9.2	Đào tạo và phát triển nền tảng số trong sản xuất công nghiệp	- Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất	Sở Công thương	Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh	2025-2030	Nguồn vốn đầu tư của Doanh nghiệp
104			- Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng các ưu đãi cho các doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số lĩnh vực sản xuất				
105			- Xây dựng cơ chế ưu đãi mới cho các khu công nghiệp liên quan đến việc nâng cấp cơ sở hạ tầng và đầu tư nền tảng số cho hoạt động sản xuất				
X	KTS10	Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng					
106	KTS10.1	Tiết kiệm năng lượng trong đô thị thông minh	- Tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả;	Sở Công Thương		2025-2030	Nguồn vốn từ Bộ ngành TW
107			- Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.				
108			- Hiện đại hoá hệ thống cơ sở hạ tầng ngành điện, đi đôi với nâng cao năng suất lao động, chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ cung cấp điện				
XI	KTS11	Phát triển khu công nghiệp					
109	KTS11.1	Hỗ trợ doanh nghiệp	- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, xây dựng nền tảng hạ tầng, ví dụ Wifi, 5G, v.v	Ban quản lý Khu công nghiệp	Doanh nghiệp tại tỉnh	2025-2030	Ngân sách địa phương
110			- Đẩy mạnh cập nhật, nâng cấp và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động đầu tư, xây dựng và quản lý khu				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
111			- Hỗ trợ lãnh đạo khu công nghệ trong quá trình tìm kiếm nhà đầu tư, tìm kiếm doanh nghiệp trên cả nước và thế giới				
112			- Phát triển và hoàn thiện Khu theo mô hình Khu công nghệ cao, đảm bảo sức cạnh tranh, thu hút nhà đầu tư so với các Cụm, khu công nghiệp trong nước và trong vùng				
113	KTS11.2	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư tại Khu Công nghiệp	- Có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp CNTT, doanh nghiệp công nghệ cao "đóng đô" tại các khu công nghiệp	Ban quản lý Khu công nghiệp		2025-2030	
XII	KTS12	Chuyển đổi số trong lĩnh vực xây dựng					
114	KTS12.1	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành	- Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhà ở, bất động sản	Sở Xây dựng		2025-2030	Ngân sách địa phương
115			- Xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn nguyên liệu dùng cho sản xuất vật liệu Xây dựng				
116			- Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch Xây dựng				
117	KTS12.2	Ứng dụng khoa học công nghệ cho việc chuyển đổi số	- Áp dụng khoa học kỹ thuật, các tiêu chuẩn tiêu chí phù hợp hướng tới triển khai xây dựng thông minh, góp phần vào việc xây dựng đô thị thông minh trên toàn tỉnh	Sở Xây dựng		2025-2030	Ngân sách địa phương
118			- Ứng dụng nền tảng GIS để xây dựng quy trình lập quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng				
119			- Ứng dụng nền tảng mô hình thông tin công trình (BIM) cho việc xây dựng quy trình nhận hồ sơ, thẩm định dự án xây dựng.				
120			- Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức, công chức ngành đáp ứng yêu cầu Chuyển đổi số				
XIII	KTS13	Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch					

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
121	KTS13.1	Phát triển thông tin quảng bá du lịch tỉnh	- Phát triển ứng dụng di động dành cho khách du lịch Hưng Yên (all in one) để hỗ trợ du khách	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		2025-2030	Ngân sách địa phương
122			- Sử dụng trang web du lịch chính thức để giúp du khách lên kế hoạch cho chuyến đi đến Hưng Yên, và nhận thông tin về các doanh nghiệp du lịch đáng tin cậy				
123			- Cung cấp thông tin về các địa điểm du lịch trên trang web du lịch chính thức của Tỉnh				
124			- Chuẩn hóa nội dung số giới thiệu về điểm đến, sản phẩm, dịch vụ du lịch tiêu biểu của tỉnh Hưng Yên và phát triển ứng dụng thuyết minh du lịch tự động qua thiết bị di động thông minh				
125			- Tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành du lịch.				
126			- 100% công tác quản lý liên quan đến du lịch (các cơ sở cung cấp dịch vụ cho du lịch, hướng dẫn viên, công ty khai thác du lịch...) được điện tử hóa, số hóa.				
127			- Xây dựng và triển khai giải pháp du lịch qua hình ảnh đối với những di tích lịch sử quan trọng của tỉnh Hưng Yên, qua đó cung cấp những thông tin chính thống đối với vấn đề văn hóa, lịch sử.				
128	KTS13.2	Nâng cấp hệ thống dịch vụ phục vụ du lịch	- Cung cấp wifi miễn phí tại các địa điểm du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		2025-2030	Ngân sách địa phương
129			- Xây dựng thông tin tên đường, biển báo, di tích văn hóa lịch sử (ví dụ mã QR code,v.v)				
130			- Hợp tác với các bên liên quan trong ngành để thu thập và chia sẻ dữ liệu thông qua cơ sở dữ liệu dùng chung				
131			- Đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến (qua ví, thẻ ngân hàng trực tuyến, QR Code...) ở tất cả các điểm đến du lịch.				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
132			- Xây dựng các ứng dụng giám sát, cảnh báo an toàn, hỗ trợ khách du lịch trong những trường hợp cần sự trợ giúp, trường hợp khẩn cấp.				
133			- Ứng dụng thực tế ảo và thực tế tăng cường (AR/VR) trong lĩnh vực văn hóa.				
134			- Số hóa các di sản văn hóa để phổ cập qua công nghệ số.				
135			- Ứng dụng công nghệ số trong công tác tập luyện, tổ chức thi đấu thể thao.				
C	NHÓM NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ						
I	XHS1	Thông tin, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về chuyển đổi số					
136	XHS1.1	Xây dựng thông tin, tin tức về chuyển đổi số	- Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền;	Sở Thông tin và Truyền thông		2022-2025	Ngân sách địa phương
137			- Xây dựng phóng sự, chương trình truyền thanh, truyền hình;				
138			- Xây dựng các bài viết, chuyên đề trên báo in, báo điện tử;				
139			- Xây dựng các chuyên mục thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số của chính quyền và người dân trên website của các sở ban ngành, báo điện tử, báo in				
140	XHS1.2	Nâng cấp, phát triển Báo điện tử và giải pháp Tòa soạn điện tử	- Đưa vào quản lý toàn bộ quá trình tác nghiệp, phê duyệt, xuất bản, đánh giá bài viết, tính nhuận bút, để phê duyệt cho áp dụng sản xuất báo giấy và báo điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông		2022-2024	Ngân sách địa phương
141			- Cho phép áp dụng các công nghệ tự động, hiển thị đầy đủ dữ liệu đa phương tiện trên máy tính, thiết bị cầm tay, kết nối giải pháp toà soạn điện tử, cung cấp thông tin quản lý hạ tầng đô thị trên mã QR code, app mobile				
142	XHS1.3	Tọa đàm và trao đổi kinh nghiệm về	- Tổ chức các hội thảo, hội nghị;	Sở Thông tin và		2022-2025	Ngân sách địa
143			- Tổ chức các hoạt động tôn vinh thành công điển hình;				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
144		chuyển đổi số	- Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền khác về chuyển đổi số.	Truyền thông			phương
145			-Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, giải đáp thắc mắc về chuyển đổi số				
II	XHS2	Đào tạo và ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục đối với cấp phổ thông					
146	XHS2.1	Giới thiệu và đào tạo các kỹ năng cần thiết trong môi trường số	- Đào tạo, tập huấn hướng nghiệp, tin học ứng dụng, để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện và các trường học trên địa bàn	Hàng năm	Ngân sách địa phương
147	XHS2.2	Triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số	- Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (ví dụ các chương trình giáo dục STEM, STEAM), đào tạo tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện và các trường học trên địa bàn	Hàng năm	Ngân sách địa phương
III	XHS3	Đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân					
148	XHS3.1	Xây dựng môi trường đào tạo kỹ năng số	- Cung cấp các khoá học đại trà trực tuyến mở cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số.	Sở Giáo dục và Đào tạo		Hàng năm	Ngân sách địa phương

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
149			- Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập;				
150	XHS3.2	Phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong cộng đồng (thực hiện theo ngành học)	- Thực hiện chính sách công nhận giá trị của các chứng chỉ học trực tuyến, thực hiện theo ngành học, đồng bộ với lộ trình của Bộ;	Sở Giáo dục và Đào tạo		2023-2024	
151			- Tham mưu, thực hiện các chính sách nhằm khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ phục vụ giáo dục hướng tới đào tạo cá thể hóa				
IV	XHS4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục					
152	XHS4.1	Xây dựng và áp dụng ứng dụng số trong giáo dục	- Phổ cập hệ thống quản lý trường học số như quản lý tài chính, quản lý hoạt động tại tất cả các trường trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo		2022-2025	Ngân sách địa phương
153			- Phổ cập và triển khai sử dụng hệ thống quản lý học sinh như quản lý phí, học phí điện tử đảm bảo sẵn sàng việc thu/chi không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, các loại học bạ, sổ điện tử, hệ thống quản lý bán trú và các hệ thống, ứng dụng công nghệ cao khác				
154			- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện), kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới				
155	XHS4.2	Triển khai đẩy mạnh ứng dụng số tại các đơn vị đào tạo	- Thông nhất nhận thức trong đội ngũ giáo viên, học sinh và nâng cao nhận thức về chuyển đổi số giáo dục tới mọi công dân tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo		2022-2025	Ngân sách địa phương
156			- Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin cho ngành giáo dục tỉnh Hưng Yên theo hướng hiện đại, thiết thực, và hiệu quả.				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
157			- Thí điểm hệ thống học tập đa phương tiện tại một số trường trên địa bàn tỉnh, ví dụ như có máy chiếu, các tiết học dựa trên các ứng dụng thực tế ảo, bảng điện tử thông minh v.v				
158			- Khuyến khích các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, và đại học thực hành đào tạo trực tuyến cho những khóa học phù hợp				
159			- Xây dựng cơ chế, chính sách và đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục số với thiết bị, công nghệ hiện đại và phương pháp áp dụng tối ưu				
V	XHS5	Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế					
160	XHS5.1	Nâng cấp hạ tầng và xây dựng nền tảng số trong y tế	- Đảm bảo hạ tầng CNTT cho các đơn vị Y tế trên địa bàn Tỉnh - Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin của các cơ sở y tế để hoạt động trên môi trường số, đảm bảo hướng triển khai rộng rãi các hệ thống khám chữa bệnh thông minh với bệnh án điện tử tại các bệnh viện.	Sở Y tế	Bệnh viện và trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh	2022-2025	Ngân sách địa phương
161			- Phát triển, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong các lĩnh vực y tế				
162			-Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, kết nối hồ sơ sức khỏe điện tử tại các cơ sở khám chữa bệnh theo lộ trình quy định tại Thông tư 46/TT-BYT ngày 29/12/2018 của Bộ Y tế. - Hoàn thiện bổ sung dữ liệu cho hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử				
163	XHS5.2	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động y tế	-Phổ cập nhập liệu điện tử bằng máy tính tại các bệnh viện, các trạm y tế xã phường thay vì dùng bảng giấy	Sở Y tế	Bệnh viện và trung tâm y tế		Ngân sách địa phương
164			-Quản lý, kết nối thông tin Y tế với các cơ quan, doanh nghiệp, trường học trên địa bàn tỉnh				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
165			-Triển khai hệ thống quản lý khám chữa bệnh (HIS) tại các cơ sở khám chữa bệnh, phần mềm Quản lý xét nghiệm (LIS), Lưu trữ truyền tải hình ảnh (RIS-PACS)		trên địa bàn tỉnh		
166			-Triển khai việc đăng ký, khám chữa bệnh từ xa -Thúc đẩy dịch vụ khám chữa bệnh từ xa (telehealth) bằng cách chuẩn hóa một số lĩnh vực cụ thể trong y tế có thể thay thế cách khám chữa bệnh truyền thống bằng việc khám chữa bệnh từ xa				
167			-Phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về y tế, ứng dụng các công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) trong việc xây dựng, lưu trữ dữ liệu y tế. Ứng dụng các công nghệ phân tích (ví dụ: trí tuệ nhận tạo - AI) để phân tích số liệu về hoạt động y tế kịp thời, dự báo chính xác về diễn biến tình trạng sức khỏe, bệnh tật và dịch bệnh trong cộng đồng, từ đó có các chính sách quản lý y tế phù hợp.				
168			-Xây dựng, triển khai hệ thống quản lý và cổng thông tin về ngộ độc thực phẩm, phản ánh các thông tin mất an toàn vệ sinh thực phẩm, cảnh báo nhanh về an toàn thực phẩm cho người dân qua các ứng dụng nhắn tin di động, kết nối với thông tin kiểm nghiệm thực phẩm.				
169			-Triển khai ứng dụng đăng ký khám chữa bệnh trực tuyến, triển khai Hệ thống Cơ sở dữ liệu Dược Quốc gia, kết nối liên thông cơ sở dữ liệu cung ứng thuốc trên toàn quốc; triển khai hệ thống tiêm chủng quốc gia....				
170			-Tiếp tục triển khai hệ thống thông kê y tế điện tử trên toàn tỉnh.				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
171			-Thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi người dân có một bác sĩ riêng” với mục tiêu mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân, trên cơ sở đó được bác sĩ tư vấn, chăm sóc cho từng người dân như là bác sĩ riêng, hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị. Tạo hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho khám chữa bệnh từ xa và đơn thuốc điện tử cho người dân, nhằm bảo đảm người dân có thể tiếp xúc bác sỹ nhanh, hiệu quả, giảm chi phí và thời gian vận chuyển bệnh nhân.				
172			-Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và người lao động của ngành y tế sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong công việc; Nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn, bảo mật trong quá trình vận hành, khai thác hạ tầng, ứng dụng trong công việc của cán bộ, công chức ngành y tế trong việc xử lý các công việc hàng ngày.				
VI	XHS6	Xây dựng môi trường số an toàn và tin cậy cho cộng đồng					
173	XHS6.1	Cung cấp thông tin và kiến thức về an toàn trên môi trường số	- Xây dựng thông tin và tuyên truyền trên các kênh chính thống của chính quyền về các hiểm họa trên môi trường số như đánh cắp thông tin, lừa đảo v.v cũng như cách phòng tránh và cách sử dụng công nghệ tối ưu để gây dựng niềm tin vào hệ thống mạng và khuyến khích người dân truy cập môi trường số	Công an tỉnh		2022-2025	Ngân sách địa phương
174	XHS6.2	Xây dựng cơ chế chính sách an toàn số cho cộng đồng	- Xây dựng và đề xuất các thay đổi, bổ sung về mặt luật pháp trong địa bàn tỉnh hoặc cao hơn để phòng tránh và xử phạt các trường hợp lợi dụng môi trường mạng	Công an tỉnh		2022-2025	

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
175	XHS6.2	Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu Quốc gia về dân cư đối với các hệ thống thông tin của các sở, ngành, địa phương, thực hiện quản lý, đảm bảo an toàn dữ liệu về dân cư	Công an tỉnh	Các sở, ban ngành, địa phương	Theo lộ trình của Bộ Công an	Ngân sách địa phương
VII	XHS7	Xây dựng, triển khai, ứng dụng CNTT trong giao thông thông minh, logistics					
176	XHS7.1	Định hướng và khuyến khích phát triển giải pháp giao thông thông minh, logistics	- Hợp tác và khuyến khích các doanh nghiệp GTVT thông minh như Grab, Be tham gia mở rộng tại thị trường Hưng Yên qua các ưu đãi, tài trợ phù hợp	Sở Giao thông vận tải		2025-2030	Nguồn đầu tư của doanh nghiệp
177			- Hợp tác và khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp giải pháp kho bãi, logistics thông minh như Logivan, Ninjavan... tham gia mở rộng tại thị trường Hưng Yên qua các ưu đãi, tài trợ phù hợp				
178			- Tổ chức các hội thảo, hội đàm chia sẻ và thảo luận giữa khu vực công và tư trong định hướng phát triển và cung cấp giải pháp giao thông thông minh, xác định các giải pháp và ứng dụng phù hợp với địa bàn và xu hướng đổi mới trong tỉnh				
179	XHS7.2	Ứng dụng triển khai giao thông thông minh	- Phát triển hệ thống giao thông thông minh, tập trung vào các hệ thống giao thông đô thị, các đường cao tốc, quốc lộ. Chuyển đổi các hạ tầng logistics.	Sở Giao thông vận tải		2023-2025	Ngân sách địa phương
180			- Xây dựng hệ thống kiểm soát nhận dạng phương tiện				
181			- Triển khai hệ thống giám sát hành trình thông minh				

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
182			- Thí điểm và ứng dụng các công nghệ giao thông mới như đèn giao thông thông minh, quản lý giao thông thông minh, điểm đỗ xe thông minh				
183			- Phát triển các nền tảng đảm bảo trạng thái của chuỗi dịch vụ logistics được chuyển đổi số trong tất cả các công đoạn; Từng bước thiết lập đồng bộ nền tảng giao dịch số về logistics để đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước.				
184			- Phát triển các nền tảng kết nối giữa các chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng				
185	XHS7.3	Ứng dụng triển khai Logistics	- Xây dựng và làm đầy đủ phiên bản số của hệ thống logistics diễn đạt trạng thái thực tất cả các công đoạn của chuỗi dịch vụ logistics;	Sở Giao thông vận tải		2023-2025	Ngân sách địa phương
186			- Xây dựng bản đồ GIS về logistics; nghiên cứu thành lập Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động logistics (xã hội hóa); từng bước thiết lập đồng bộ nền tảng giao dịch số về logistics để đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước				
VIII	XHS8	Kiểm soát ô nhiễm thông minh					
187	XHS8.1	Kiểm soát quản lý tình hình hiện tại	- Phát triển mô hình kiểm soát ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Tài nguyên và Môi trường		2023	Ngân sách địa phương
188			- Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin TNMT của tỉnh; Nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin môi trường, nước, khoáng sản; Xây dựng mới Hệ thống thông tin đo đạc và bản đồ và tích hợp CSDL nền thông tin địa lý				
189	XHS8.2	Ứng dụng CNTT vào quản lý môi trường	- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển Quản lý Chất thải Thông minh	Sở Tài nguyên		2024-2030	Ngân sách địa

TT	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình đề xuất	Nguồn vốn
190		tương lai	- Sử dụng tài nguyên được phân bổ một cách hiệu quả nhất có thể bằng cách sử dụng Quản lý chất thải thông minh, loại bỏ việc thu gom rác không cần thiết và thay vào đó dựa vào việc thu gom theo yêu cầu)	và Môi trường			phương
191			- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bao gồm: nền địa lý, thanh tra, thư viện điện tử (bao gồm xây dựng phần mềm và chuyển đổi dữ liệu), cũng như hoàn thiện, bổ sung cơ sở dữ liệu đã xây dựng về tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, môi trường, khoáng sản Triển khai các giải pháp thông minh nhằm cảnh báo sớm thiên tai.				
192			- Xây dựng các ứng dụng quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi				
193			trường; Phân tích và dự báo môi trường theo thời gian thực để giám sát, kịp thời xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.				
194			- Triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ số để ứng phó với biến đổi khí hậu.				